

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 03 – 4 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi; Ông Đỗ Văn Kha

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài : **Bà Trần Thị Thủy Hằng**
- Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 140/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2019 về: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* “ theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐ-HPT ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín; Trụ sở: Số 266 - 268 NKKN, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch A – Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thu B, chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh Bình Phước. (*Có đơn xin giải quyết vắng mặt*)

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn C – SN: 1985; Trú tại: Khu phố 5, phường TT, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. (*Vắng mặt không có lý do*)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín, cũng như bản tự khai 14 tháng 10 năm 2019 và 31 tháng 3 năm 2020 của bà Phạm Thị Thu B là người được ủy quyền lại trình bày:

Vào ngày 09 tháng 02 năm 2015, ông Phạm Văn C đã ký kết Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1504000676 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín chi nhánh tỉnh Bình Phước (*sau đây được gọi tắt là Ngân hàng*) vay số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, vay không thế chấp tài sản, thời hạn

vay là 36 tháng, lãi suất 0.75%/tháng (tháng 30 ngày), thời hạn trả hết nợ vào ngày 09 tháng 02 năm 2018.

Nợ gốc và lãi được trả nhiều kỳ với số kỳ trả nợ là 36 kỳ, mỗi kỳ cách nhau một tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 1.763.500 đồng, số tiền trả nợ kỳ cuối (kỳ 36) là 1.777.500 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 30 tháng 03 năm 2015, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày đáo hạn được quy định tại hợp đồng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng cho đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện thì ông C có trả cho Ngân hàng được số tiền gốc và lãi đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 (kỳ 9) với tổng số tiền 15.867.000 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 12.492.000 đồng, số tiền lãi là 3.375.000 đồng; Cụ thể như sau:

Kỳ trả nợ	Tiền gốc	Tiền lãi	Tổng gốc lãi đã trả	Số tiền gốc còn thiếu	Số tiền lãi còn thiếu	Tổng gốc lãi còn thiếu	Ngày trả theo lịch
1	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/03/2015
2	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/04/2015
3	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/05/2015
4	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/06/2015
5	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/07/2015
6	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/08/2015
7	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/09/2015
8	1.388.500	375.000	1.763.500	0	0	0	30/10/2015
9	1.384.000	375.000	1.759.000	4.500	0	4.500	30/11/2015
Tổng	12.492.000	3.375.000	15.867.000				

Đối với số tiền còn nợ Ngân hàng từ kỳ 09 chưa thanh toán hết và các kỳ kế tiếp cho đến nay ông C chưa trả cho Ngân hàng. Chi tiết số tiền chưa trả tính như sau:

Kỳ	Tiền gốc còn thiếu	Tiền lãi trong hạn còn thiếu	Ngày phải trả	Ngày tính lãi	Số ngày quá hạn	Lãi quá hạn
9	4.500	0	30/11/2015	03/04/2020	1.586	2.676
10	1.388.500	375.000	30/12/2015	03/04/2020	1.556	810.190
11	1.388.500	375.000	30/01/2016	03/04/2020	1.525	794.048
12	1.388.500	375.000	28/02/2016	03/04/2020	1.496	778.949
13	1.388.500	375.000	30/03/2016	03/04/2020	1.465	762.807

14	1.388.500	375.000	30/04/2016	03/04/2020	1.434	746.666
15	1.388.500	375.000	30/05/2016	03/04/2020	1.404	731.045
16	1.388.500	375.000	30/06/2016	03/04/2020	1.373	714.904
17	1.388.500	375.000	30/07/2016	03/04/2020	1.343	699.283
18	1.388.500	375.000	30/08/2016	03/04/2020	1.312	683.142
19	1.388.500	375.000	30/09/2016	03/04/2020	1.281	667.001
20	1.388.500	375.000	30/10/2016	03/04/2020	1.251	651.380
21	1.388.500	375.000	30/11/2016	03/04/2020	1.220	635.239
22	1.388.500	375.000	30/12/2016	03/04/2020	1.190	619.618
23	1.388.500	375.000	30/01/2017	03/04/2020	1.159	603.477
24	1.388.500	375.000	28/02/2017	03/04/2020	1.130	588.377
25	1.388.500	375.000	30/03/2017	03/04/2020	1.100	572.756
26	1.388.500	375.000	30/04/2017	03/04/2020	1.069	556.615
27	1.388.500	375.000	30/05/2017	03/04/2020	1.039	540.994
28	1.388.500	375.000	30/06/2017	03/04/2020	1.008	524.853
29	1.388.500	375.000	30/07/2017	03/04/2020	978	509.232
30	1.388.500	375.000	30/08/2017	03/04/2020	947	493.091
31	1.388.500	375.000	30/09/2017	03/04/2020	916	476.950
32	1.388.500	375.000	30/10/2017	03/04/2020	886	461.329
33	1.388.500	375.000	30/11/2017	03/04/2020	855	445.188
34	1.388.500	375.000	30/12/2017	03/04/2020	825	429.567
35	1.388.500	375.000	30/01/2018	03/04/2020	794	413.426
36	1.402.500	375.000	09/02/2018	03/04/2020	784	402.342
Tổng	37.508.000 đ	10.125.000đ (Số tiền vay ban đầu x 0.75% x 27 kỳ)				16.315.146đ Lãi quá hạn = (Dư nợ gốc của kỳ tương ứng bị quá hạn x Lãi suất theo HĐTD/100 x 12 tháng x 1,5 x Số ngày quá hạn)/360

Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn C phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 03 tháng 4 năm 2020 với số tiền là **63.948.146đ** (Sáu mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó:

Nợ gốc còn lại là 37.508.000 đồng

Nợ lãi trong hạn tính từ (kỳ 10) từ ngày 30 tháng 12 năm 2015 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 (kỳ thứ 36) là 10.125.000đ;

Nợ lãi quá hạn tính từ kỳ 9 đã trả còn nợ lại từ ngày 30 tháng 11 năm 2015 đến ngày 03 tháng 4 năm 2020 là 16.315.146đ

Yêu cầu ông C phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2020 theo mức lãi suất thỏa thuận ký trong hợp đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có bản tự khai.

Phản phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài:

Về trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến tại phiên Toà: Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, mặc dù trong suốt quá trình tố tụng, ông Phạm Văn C vắng mặt không có lý do, tuy nhiên căn cứ vào hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1504000676 ngày 09 tháng 02 năm 2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín chi nhánh tỉnh Bình Phước với ông Phạm Văn C thì xác định giao dịch vay tiền của ông C nêu trên là có thật và ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã ký kết trong hợp đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và buộc bị đơn ông Phạm Văn C trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Toà án* : Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Trong đó, bị đơn là ông Phạm Văn C hiện đang cư trú tại khu phố 5, phường TT, Thành phố Đồng Xoài. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện* : Vào ngày 13 tháng 9 năm 2019 đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín chi nhánh tỉnh Bình Phước (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng) nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu ông Phạm Văn C phải trả nợ theo hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều kèm giấy nhận nợ số LD 1504000676 ngày 09 tháng 02 năm 2015 với số dư nợ còn lại một phần của kỳ 09 đến kỳ 36 với số tiền gốc là 37.508.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng) hiện nay chưa trả. Căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật dân sự 2015 thì giao dịch này còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt*: Trong quá trình thụ lý cũng như giai đoạn thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và thực hiện thủ tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cho ông C nhiều lần nhưng không có kết quả. Việc vắng mặt của ông C là đương nhiên từ chối quyền lợi của mình. Vì vậy, cần áp dụng Điều 227; 228 và điểm b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng :

[2.1] Mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, vắng mặt ông C. Tuy nhiên, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD 1504000676

giữa ông C với Ngân hàng, xác định ông C vay Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, ông C đã ký tên trong hợp đồng và được xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền, phía ngân hàng đã giải ngân cho ông C theo như thỏa thuận. Tuy nhiên, đến nay ông C chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 30 tháng 3 năm 2015 (kỳ 01) đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 (kỳ 09) với số tiền là 15.867.000 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 12.492.000 đồng (*mười hai triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*), số tiền lãi là 3.375.000 đồng (*ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Đối với số dư nợ gốc còn lại một phần kỳ 09 đến kỳ 36 là 37,508,000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*) ông C không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo cam kết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định việc ông C còn nợ của Ngân hàng với số tiền gốc còn lại như đã nêu trên là có thật, phù hợp với nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả cho ngân hàng số tiền gốc đã vay còn nợ lại với số tiền 37,508,000 đồng (*ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng*) là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng thì theo thỏa thuận của hợp đồng, số tiền vay là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) với thời hạn vay là 36 kỳ (tháng) và mức lãi suất trong hạn là 0,75%/kỳ (tháng), lãi quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn. Ông C đã đóng tiền gốc và lãi từ khi vay cho đến ngày 30 tháng 11 năm 2015 được 09 kỳ thì ngưng cho đến nay (*Ngân hàng có cung cấp bản theo dõi nộp tiền lãi*). Như vậy, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2015 (*kỳ 10*) đến ngày 09 tháng 2 năm 2018 (*kỳ 36 là kỳ kết thúc hợp đồng*) nên Ngân hàng yêu cầu tính tiền lãi trong hạn là 27 kỳ (*tháng*) mỗi kỳ theo thỏa thuận là 375.000 đồng (*ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), thành tiền là 10.125.000 đồng (*mười triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) là có cơ sở để chấp nhận.

Đối với lãi quá hạn, ông C bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tính từ ngày 30 tháng 11 năm 2015 (kỳ 9) (*do kỳ 09 đóng nợ gốc còn nợ lại số tiền 4.500đ*) cho đến ngày 03 tháng 4 năm 2020 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*); với tổng số tiền là 16.315.146đ (*mười sáu triệu, ba trăm mười lăm nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng*), theo bảng tính lãi chi tiết của Ngân hàng đối với ông C đã trích dẫn ở phần nhận thấy, HĐXX thấy phù hợp nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, HĐXX xét thấy có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 429; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc ông Phạm Văn C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín số tiền gốc còn nợ còn lại là **37,508,000 đồng** (*ba mươi bảy triệu năm trăm lẻ tám ngàn đồng*) và tiền lãi trong hạn là **10.125.000 đồng** (*mười triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*); lãi quá hạn là **16.315.146 đồng** (*mười sáu triệu, ba trăm mười lăm nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng*); Tổng cộng các khoản gốc và lãi ông C phải trả cho Ngân hàng là **63.948.146 đồng** (*Sáu mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 03 tháng 4 năm 2020 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*), ông Phạm Văn C còn phải chịu tiếp tục khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn C phải chịu là 3.197.400 đồng (*Ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín số tiền tạm ứng án phí là 1.600.000đ (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001417 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND TX Đồng Xoài;
- THADS TX Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh